

Bản án số: 157/2025/HS- ST

Ngày 22 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Kha.

2. Ông Nguyễn Văn Thuỷ.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trịnh Hoài Đức - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Lệ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Đ H**, sinh năm 1989; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Mịch A, xã Thuận Hoà, huyện Vị Xuyên, tỉnh H (nay là xã Thuận Hòa, tỉnh T);

Nơi ở: Số nhà 309, tổ 5, đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh H (nay là phường H 2, tỉnh T). Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Đỗ Đ H Tuyên, sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Đặng Lan Minh, sinh năm 1960; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Chử Thị Mai, sinh năm 1979; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. Họ và tên: **Võ Minh L**, sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Khu phố Song Thanh 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay xã Phan Rí Cửa, tỉnh L.Đ.Đ.);

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12;

Bố đẻ: Võ Minh S, sinh năm 1967 (đã chết); Mẹ đẻ: Đào Thị Ngọc Trâm, sinh năm 1970; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Lê Thị Tuyết Minh, sinh năm 1993 Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 28/5/2025 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT: Thôn An Đẻ, xã Hiệp Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay xã Thụ Trì, tỉnh Hưng Yên);

Nơi ở: Ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là xã Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh);

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12;

Bố đẻ: Đỗ Xuân Thuần, sinh năm 1942; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Tươi, sinh năm 1953; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Cẩm Duyên, sinh năm 1990 Con: Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự số 137/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Đỗ Văn Q 06 tháng tù, về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2024 đến ngày 22/01/2025 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn Tuyển, sinh năm 1967; Mẹ đẻ: Đỗ Thị Thi, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến ngày 22/01/2025 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn V A**, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Nguyễn Thế Anh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Đội 7, thôn Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội (nay là xã Hồng S, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn Phi, sinh năm 1959 (đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị Nhật, sinh năm 1957; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Phạm Thị Phương, sinh năm 1992. Con: Chưa có;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 14/01/2022 của Toà án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình xử phạt Nguyễn V A 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 15/12/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2021 bị Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình xử phạt hành chính (phạt tiền) về hành vi trộm cắp tài sản (nộp phạt ngày 03/12/2021).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 351/2012/HSST ngày 24/10/2012 của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn V A 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2013/HSST ngày 18/9/2013 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn V A 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 123/2015/HSPT ngày 08/9/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn V A 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 305/2025/HSPT ngày 17/4/2025 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt Nguyễn V A 21 tháng tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 đến ngày 27/12/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (có mặt).

6. Họ và tên: **Phạm Xuân D**, sinh năm 1979; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKKHKT: Số 303 M23 tập thể Mai Hương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (nay là phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội);

Nơi ở: Phòng 206 Nguyễn Duy T, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Bố đẻ: Phạm Văn Thế, sinh năm 1936; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Dần, sinh năm 1950; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Vũ Thị Diện, sinh năm 1976 Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2010

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/10/1994, bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội lập danh bản về hành vi cưỡng đoạt tài sản của công dân.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Xuân D 06 tháng tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến ngày 27/11/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang chấp hành bản án số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng tại Trại giam Thanh Xuân, Bộ Công an (có mặt).

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội (nay là xã Đa Phúc, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn , sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1958; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: D Thị Nga, sinh năm 1985 Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sơ sơ thẩm số 146/2012/HSST ngày 14/9/2012 của Toà án nhân dân huyện Sóc S, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 09 tháng tù về tội ĐA bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến ngày 27/11/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại (có mặt).

8. Họ và tên: **Phạm Hồng Q**, sinh năm 1983; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, xã Hiền Lương, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ);

Nơi ở: Số 104/28 Tứ Liên, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Phạm Văn Bình, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Huê, sinh năm 1955; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1989. Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 27/11/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại (có mặt).

9. Họ và tên: **Trương Văn D**, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Trương Văn Diễn, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1961; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Thuý, sinh năm 1989. Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 27/11/2024 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại (có mặt).

10. Họ và tên: **La T SS**, sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Cẩm Xuyên, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B (nay là xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: La Văn Trường, sinh năm 1966; Mẹ đẻ: La Thị Tính, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: HThị Phương Anh, sinh năm 1990. Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

11. Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Khang Chính, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai);

Nơi ở: Phố Cáo, xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang, tỉnh H (nay là xã Đồng Yên, tỉnh T);

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12;

Bố đẻ: Bùi Văn Khang, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1960; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: HThị Mơ, sinh năm 2000. Con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 25/4/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:**

Luật sư Lê Hiếu và luật sư Nguyễn Minh Nguyệt – Công ty Luật TNHH Hiếu H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Toà án đã thông báo triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Tòa S1. 06 Vinhomes Smart City, phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị P, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Hồng Phong, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thù D, xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn Thù D, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên).

Nơi ở: Thôn Đại La, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình (nay là Thôn Đại La, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên).

3. Anh Lưu Văn A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S Quả 1, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B (nay là Thôn S Quả 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh).

4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B (nay là Thôn Ngọc Liễn, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh).

5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ChA, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Ấp ChA, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh).

6. Anh Nguyễn Huy Hoàng, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 10, xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu 10, xã Văn Lang, tỉnh Phú Thọ).

7. Chị PH Thị H, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: TDP Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B (nay là TDP Bình Minh, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh).
8. Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong (TP. Bank).
Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh Phú – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Vũ Long – Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – khối giám sát tín dụng và xử lý nợ khách hàng cá nhân TPBank.
Đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Phúc Hưng và ông Đỗ Đình Hậu – Cán bộ xử lý nợ Đội xử lý nợ 1 – Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân khối CM TPBank.
Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44, đường Lê Ngọc Hân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội (có mặt).
9. Chị Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Bến Trung, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội).
10. Chị D Thị Nga, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đức Hậu, xã Đức Hòa, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đức Hậu, xã Đa Phúc, thành phố Hà Nội).
11. Anh Phạm Văn Thành, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm 4, xã Nghĩa Thuận, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (nay là Xóm 4, xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An).
12. Anh Lê Văn Trường, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2A, xã Tân S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là Thôn 2A, xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An).
13. Anh Nguyễn Chí Hải, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Thanh Đồng 2, thị trấn Dũng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (nay là Thôn Thanh Đồng 2, xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đỗ Đ H , Võ Minh L, La T SS, Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn V A, Phạm Xuân D, Nguyễn Văn T, Phạm Hồng Q, Trương Văn D, Bùi Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 27/6/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh Bắc Ninh) phối hợp với Công an huyện Lục Ngạn kiểm tra phòng 202 nhà nghỉ HAnh thuộc Tổ dân phố Dốc Đồn, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn (nay là phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh) do Trần Thị P, sinh năm 1977 trú tại Tổ dân phố Lê Hồng Phong, phường Chũ làm chủ, phát hiện 01 người nước ngoài (không có hộ chiếu, thị thực), kiểm tra giấy tờ tùy thân xác định tên CHOL SREY THEA, sinh

năm 2005, quốc tịch Campuchia. Khi Tổ công tác đang kiểm tra thì phát hiện 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, biển kiểm soát (BKS) 29H-913.76 đến đón CHOL SREY THEA; lái xe là Phạm Xuân D, sinh năm 1979 trú tại phòng 303-M23, tập thể Mai Hương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (nay là phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội); bên trong xe có 03 người nước ngoài (không có hộ chiếu, thị thực) gồm: YUAN XIAO XIONG, sinh năm 1995; SHOU LIN, sinh năm 1990 đều quốc tịch Trung Quốc; LIM SOLEAB, sinh năm 2005, quốc tịch Campuchia và 01 người quốc tịch Trung Quốc tên LI YAO, sinh năm 1993 (nhập cảnh vào Việt Nam ngày 22/6/2024, có thị thực hạn ngày 06/7/2024). Tổ công tác T hành lập biên bản, đưa các đối tượng liên quan về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, D xin đầu thú, khai ngày 25/6/2024, D được Nguyễn V A (tên gọi khác: Nguyễn Thế Anh), sinh năm 1986 trú tại Đội 7, Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội (nay là xã Hồng S, thành phố Hà Nội) thuê đón, chở SHOU LIN và liên hệ để đón YUAN XIAO XIONG, LI YAO và LIM SOLEAB từ Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 trú tại thôn Đức Hậu, xã Đức Hòa, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội (nay là xã Đa Phúc, thành phố Hà Nội), sau đó đến nhà nghỉ HANH đón thêm CHOL SREY THEA để đưa đến huyện Trùng KhA, tỉnh Cao Bằng. Ngày 27/6/2024, D chở 04 người nước ngoài trên đến nhà nghỉ HANH đón CHOL SREY THEA thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện (BL: 18, tập 1).

Ngày 30/6/2024, Nguyễn Văn T đến Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú, khai 03 người nước ngoài T giao cho D ngày 27/6/2024 là do Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 trú tại thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội) thuê T đón, chở từ nhà nghỉ Như Ý thuộc xóm 2, thôn Đồng Lạc, xã Tiên Dược, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội (nay là xã Sóc S, thành phố Hà Nội).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra T hành khám xét khẩn cấp nhà nghỉ Như Ý do Nguyễn Bá Thảo, sinh năm 1988 làm chủ, phát hiện: Tại phòng 308 có 02 người Trung Quốc (không có hộ chiếu, thị thực) là DU GUANG, sinh năm 1991 và HE CHENG QI, sinh năm 2006; thu giữ: 01 sổ tay; 01 laptop nhãn hiệu Dell; 750 nhân dân tệ; 01 đầu thu HDMI; 01 đầu thu dữ liệu Camera của Nguyễn Bá Thảo (BL: 66, tập 1).

Quá trình điều tra xác định được như sau:

1. Về hành vi tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép của Đỗ Đ H , Võ Minh L, Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trương Văn D, Phạm Hồng Q, La T SS và Bùi Văn T.

Tháng 3/2024, Đỗ Đ H , sinh năm 1989 trú tại thôn Mịch A, xã Thuận Hoà, huyện Vị Xuyên, tỉnh H (nay là xã Thuận Hòa, tỉnh T) kết bạn với người sử dụng tài khoản Wechat tên “HTừ Gió”; người này thuê bố trí xe đưa, đón người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam di chuyển trên lãnh thổ Việt Nam (với giá cô định Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh) là 28.000.000 đồng/ chuyến, đồng ý.

thuê Võ Minh L, sinh năm 1992 trú tại khu phố Song Thanh 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Phan Rí Cửa, tỉnh L Đồng) (và L quen biết qua mạng xã hội telegram) bố trí xe đưa, đón người nước ngoài với giá 26.000.000 đồng/chuyến, L đồng ý. L thuê Đỗ Văn Q, sinh năm 1988 trú tại thôn An Đề, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên) (L và Q quen biết qua mạng xã hội telegram) bố trí xe đưa, đón người nước ngoài với giá 24.000.000 đồng/chuyến, Q đồng ý. Việc đưa, đón người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể:

- Khoảng trước ngày 23/6/2024, người sử dụng tài khoản Wechat tên “HTử Gió” thuê bố trí xe đón, chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà nghỉ Như Ý. Sau đó, thuê L, L thuê Đỗ Văn Q, Q thuê xe dịch vụ đón, chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Đà Nẵng với giá 9.000.000 đồng, sau đó Q thuê Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 trú tại thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội) đón, chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý với giá 14.000.000 đồng. Ngày 23/6/2024, H thuê Trương Văn D, sinh năm 1988 trú tại thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội) đón, chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý với giá 3.000.000 đồng. Cùng ngày, D điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubisshi, nhãn hiệu XPANDER, BKS 30G-033.05 đón, chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý.

- Khoảng trước ngày 25/6/2024, người sử dụng tài khoản Wechat tên “HTử Gió” thuê bố trí xe đón, chở LIM SOLEAB từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà nghỉ Như Ý. thuê L, L thuê Đỗ Văn Q, Q thuê xe dịch vụ đón, chở LIM SOLEAB từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Đà Nẵng với giá 9.000.000 đồng. Sau đó, Q thuê Nguyễn Văn H đón, chở LIM SOLEAB từ thành phố Đà Nẵng, qua khu vực sân bay Nội Bài đón thêm LI YAO đưa về nhà nghỉ Như Ý với giá 14.000.000 đồng. Ngày 25/6/2024, H thuê Nguyễn Văn T đón, chở LIM SOLEAB từ thành phố Đà Nẵng và đón, chở LI YAO từ khu vực sân bay Nội Bài về nhà nghỉ Như Ý với giá 3.000.000 đồng. Cùng ngày, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubisshi, nhãn hiệu XPANDER, BKS 30G-868.81 đón, chở LIM SOLEAB và LI YAO về nhà nghỉ Như Ý.

- Khoảng 08 giờ 20 phút, ngày 27/6/2024, H bảo T chở YUAN XIAO XIONG; LI YAO và LIM SOLEAB từ nhà nghỉ Như Ý giao cho Phạm Xuân D. Cùng ngày, T chở 03 người trên đến khu vực đèn tín hiệu giao thông thuộc thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược, huyện Sóc S (nay là xã Sóc S) để giao cho D, D chở 03 người trên và SHOU LIN (do Nguyễn V A thuê chở từ nhà nghỉ Minh Vũ 2) đi đến nhà nghỉ HANH thì bị kiểm tra, phát hiện.

- Ngày 29/6/2024, người sử dụng tài khoản Wechat tên “HTử Gió” tiếp tục thuê bố trí xe đón, chở DU GUANG và HE CHENG QI từ khu vực sân bay Nội Bài đến nhà nghỉ Như Ý. Sau đó, thuê Đỗ Văn Q, Q thuê H. H thuê Phạm Hồng Q đón, chở DU GUANG và HE CHENG QI từ khu vực sân bay Nội Bài đến nhà nghỉ Như Ý với giá 3.000.000 đồng. Cùng ngày, Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại Accent, BKS 19A-455.00 (chủ sở hữu là Nguyễn Huy Hoàng)

đón, chở 02 người trên từ khu vực sân bay Nội Bài đến nhà nghỉ Như Ý, đến ngày 30/6/2024 thì bị Cơ quan điều tra khám xét phát hiện.

Sau khi hành vi của Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H, Trương Văn D, Phạm Hồng Q, Nguyễn Văn T bị phát hiện, L tiếp tục thuê La T SS, sinh năm 1990 trú tại thôn Cẩm Xuyên, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B (nay là xã Xuân Cẩm, tỉnh B) và Bùi Văn T, sinh năm 1991 trú tại thôn Khang Chính, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai) bố trí xe đón, chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể:

- Ngày 05/12/2024, người sử dụng tài khoản telegram tên “HTử Gió” thuê bố trí xe đón, chở TANG JUN, sinh năm 1989; HOU LIANG XI, sinh năm 2002 và XU BIN BIN, sinh năm 1997 (đều là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) từ Hà Nội đến khu vực Ngã tư Ga, phường Thanh L, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh). thuê L, L thuê S bố trí xe chở 03 người trên với giá 6.000.000 đồng. S thuê xe khách Bình H do PH Thị H, sinh năm 1981 trú tại Tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh) chở 03 người trên từ khu vực Hà Nội đến khu vực Ngã tư Ga, phường Thanh L, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh và báo lại cho L biết chiều ngày 07/12/2024 xe chở người nước ngoài sẽ đến nơi.

- Cùng ngày, người sử dụng tài khoản telegram tên “HTử Gió” thuê bố trí xe đón, chở CHEN JUN JIE, sinh năm 2002; LI NING, sinh năm 1992 và LI WEN JIE, sinh năm 1999 (đều là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) từ thành phố Hồ Chí Minh đi tỉnh Lào Cai. thuê L, L thuê S bố trí xe chở CHEN JUN JIE, LI NING, LI WEN JIE từ thành phố Hồ Chí Minh đi Hà Nội và bố trí xe đưa họ đến nhà nghỉ K98 tại thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B (nay là xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh) do Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 làm chủ với giá 6.000.000 đồng. S thuê xe khách đón, chở 03 người trên từ thành phố Hồ Chí Minh đến thuê nhà nghỉ K98. Đến chiều ngày 07/12/2024, L thuê T đón, chở 03 người trên từ nhà nghỉ K98 đi tỉnh Lào Cai với giá 11.000.000 đồng. Cùng ngày, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Fortuner, BKS 37A-551.77 đón, chở 03 người trên từ nhà nghỉ K98 đi tỉnh Lào Cai.

Ngày 07/12/2024, Võ Minh L đã đến Công an phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân (BL: 1621-1623, tập 6).

Căn cứ lời khai của L, ngày 07/12/2024, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an phường Thanh L, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh T hành kiểm tra tại bến xe Ngã tư Ga, phường Thanh L, phát hiện Nguyễn Văn L, sinh năm 2000 trú tại Ấp ChA, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 70A-187.92 chở TANG JUN; HOU LIANG XI và XU BIN BIN; phối hợp với Cục cảnh sát giao thông đường bộ kiểm tra xe ô tô nhãn hiệu Fortuner, BKS 37A-551.77 tại Trạm thu phí nút giao Phố Lu, cao tốc Nội Bài – Lào Cai phát hiện trên xe có Bùi Văn T, Bùi Văn Hưng, sinh năm 1977 (ở cùng thôn với T) và CHEN JUN JIE; LI NING và LI WEN JIE (BL: 114, tập 1; 2353).

Ngày 10/4/2025, Đỗ Đ H đã đến Công an thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc, tỉnh H đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên (BL: 1522-1524, tập 5).

Quá trình điều tra, còn xác định: La T SS quen và kết bạn Wechat với người sử dụng tài khoản tên “Đức Anh”. Ngày 30/12/2024, người sử dụng tài khoản Wechat tên “Đức Anh” thuê S đón, chở PENG TAO, sinh năm 2000, LI CHAO BIN, sinh năm 2000, ZHOU TIE MAN, sinh năm 2001, JIANG WEI ZI, sinh năm 2003 (đều là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) từ khu công nghiệp Samsung tỉnh Bắc Ninh đi tỉnh Cao Bằng với giá 8.000.000 đồng, S thuê Lưu Văn A, sinh năm 1985 trú tại thôn S Quả 1, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B (nay là xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh) (S và A quen biết nhau qua ứng dụng zalo) chở 04 người nước ngoài với giá 5.000.000 đồng, A đồng ý. Ngày 30/12/2024, A đón chở 04 người nước ngoài trên đến khu vực Trung tâm đăng kiểm thuộc địa phận Tổ 3, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thì bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Lưu Văn A về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, đồng thời tách, chuyển các tài liệu có liên quan đến La T SS đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh để xử lý.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận ngoài các lần trên, các bị cáo còn nhiều lần tổ chức đưa, đón người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không xác định được cụ thể những người nước ngoài này. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các bị cáo về các hành vi trước đó.

Đối với người sử dụng Wechat tên “HTử Gió”, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch của người này nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với những người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, kết quả điều tra xác định những người này chưa bị xử lý vi phạm hành chính về các hành vi liên quan đến xuất, nhập cảnh nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Lưu Văn A đã bị Cơ quan điều tra tỉnh Cao Bằng xử lý trong vụ án khác nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với Trần Thị P là chủ nhà nghỉ HAnh; Nguyễn Bá Thảo là chủ nhà nghỉ Như Ý; Nguyễn Văn N là chủ nhà nghỉ K98 cho người nước ngoài thuê nghỉ; Nguyễn Văn L và PH Thị H là chủ nhà xe Bình H chở người nước ngoài, nhưng những người này đều không biết họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Huy H là chủ sở hữu xe ô tô BKS 19A-455.00 cho Phạm Hồng Q mượn xe, nhưng không biết Q sử dụng xe ô tô để chở người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

2. Về hành vi tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép của Nguyễn V A (tên gọi khác: Nguyễn Thế Anh); Phạm Xuân D

Cuối tháng 5/2024, Nguyễn V A quen và kết bạn với người sử dụng tài khoản telegram tên “Long”, người này thuê V A chở người nước ngoài (nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) từ tỉnh Cao Bằng, Lạng S đi Hà Nội và ngược lại với giá

5.000.000 đồng/ chuyến, V A đồng ý. Sau đó, V A thuê Phạm Xuân D đón, chở người với giá 4.000.000 đồng, D đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 25/6/2024, người sử dụng tài khoản telegram tên “Long” thuê V A đón, chở SHOU LIN ở khu vực chân cầu Thanh Trì, thành phố Hà Nội đưa vào nhà nghỉ Minh Vũ 2 tại số 09, ngách 112, đường Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội do Tòng Văn Nanh, sinh năm 1995 là quản lý. Đến khoảng 08 giờ ngày 27/6/2024, V A thuê D đón SHOU LIN sau đó liên hệ với Nguyễn Văn T để đón YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB và LI YAO đến nhà nghỉ HANh thuộc Tổ dân phố Dốc Đồn, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh B để đón CHOL SREYTHEA đưa đến khu Đàm Thủy, huyện Trùng KhA, tỉnh Cao Bằng. D liên hệ với T đón số người nước ngoài trên từ khu vực đèn tín hiệu giao thông thuộc thôn Dục Hạ, xã Tiên Dục, huyện Sóc S (nay là xã Sóc S) rồi đi đến nhà nghỉ HANh đón CHOL SREYTHEA thì bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh B kiểm tra, phát hiện.

Quá trình điều tra, ngoài hành vi thuê Phạm Xuân D chở người nước ngoài, ngày 07/6/2024, V A còn liên hệ thuê Nguyễn Viết Hợi, sinh năm 1984 trú tại xóm 5, thôn Đoan Nữ, xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đón, chở 03 người Trung Quốc (nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) từ tỉnh Cao Bằng đi tỉnh B. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, khi Hợi chở người nước ngoài đến địa phận thôn Kéo Khoác, xã Yên Trạch, huyện Cao L, tỉnh Lạng S thì bị bắt quả tang. Ngày 17/4/2025, Toà án nhân dân tỉnh Lạng S đã xét xử đối với Nguyễn V A và Nguyễn Viết Hợi về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận ngoài hành vi nêu trên, các bị cáo còn nhiều lần tổ chức đưa, đón người nước ngoài (nhập cảnh trái phép vào Việt Nam). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không xác định được cụ thể những người nước ngoài này. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các bị cáo về các hành vi đó.

Đối với người sử dụng tài khoản tên “Long”, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, kết quả điều tra xác định những người này chưa bị xử lý vi phạm hành chính về các hành vi liên quan đến xuất, nhập cảnh nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo L tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000 đồng; H nộp 40.000.000 đồng; D nộp 5.000.000 đồng; Phạm Hồng Q nộp 6.000.000 đồng; T nộp 8.000.000 đồng.

Về vật chứng, tài sản: Số đồ vật, tài sản thu giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho Nguyễn Bá Thảo 01 sổ tay, 01 laptop nhãn hiệu Dell, 750 nhân dân tệ, 01 đầu thu HDMI và 01 đầu thu dữ liệu Camera. Đối với 04 xe ô tô; 16 điện thoại di động các loại; số tiền 89.000.000 đồng, các đồ vật, tài sản khác, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSBN-P1 ngày 29/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Đỗ Đ H , Võ Minh L, La T SS về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức cho người khác ở lại

Việt Nam trái phép” theo điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Phạm Hồng Q, Nguyễn Văn T, Trương Văn D, Nguyễn V A, Bùi Văn T, Phạm Xuân D về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Đ H , Võ Minh L, La T SS, Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H, Phạm Hồng Q, Nguyễn Văn T, Trương Văn D, Nguyễn V A, Bùi Văn T, Phạm Xuân D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho các bị cáo.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thuý, chị Nga có mặt tại phiên tòa và trình bày: Các chị nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, các chị không có ý kiến trình bày gì thêm. Tuy nhiên, chị đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho các chị xin lại chiếc xe ô tô mà cơ quan điều tra đã thu giữ, các chị xác định chiếc xe ô tô đó là tài sản chung của vợ chồng chị.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hưng đại diện cho Ngân hàng TP Bank trình bày: Anh nhất trí với nội dung của bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu chiếc xe ô tô BKS 30G – 033.05 mà gia đình bị cáo D và vợ là chị Thuý đã cầm cố, thế chấp để vay Ngân hàng. Đến nay cả hai vợ chồng chưa thanh toán công nợ xong cho Ngân hàng. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét giao lại chiếc xe trên cho Ngân hàng để thực hiện việc thanh lý để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b, c khoản 2, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Đ H** từ 05 năm 08 tháng đến 06 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/4/2025.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b, c khoản 2, 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Võ Minh L** từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 10 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/12/2024 đến 28/5/2025).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b, c khoản 2, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **La T SS** từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 10 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/02/2025.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Văn Q** từ 05 năm 02 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/9/2024 đến 22/01/2025).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 05 năm đến 05 năm 04 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 02/7/2024 đến 22/01/2025).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trương Văn D** từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 6 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 04 tháng đến 3 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách .

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 01 năm 4 tháng đến 01 năm 8 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/7/2024 đến 27/11/2024).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Hồng Q** từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép".

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** từ 01 năm 8 tháng đến 2 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/12/2024 đến 25/4/2025).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn V A** từ

02 năm đến 2 năm 04 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép".

Áp dụng khoản 1 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù của Bản án số 305/2025/HSPT ngày 17/4/2025 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" buộc bị cáo Nguyễn V A phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm 01 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/8/2024 đến 27/12/2024).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 4 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Xuân D** từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm 02 tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép".

Áp dụng khoản 1 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/7/2024 đến 27/11/2024).

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000-12.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, gắn 02 thẻ sim Viettel.

+ Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung bên trong gắn kèm 01 thẻ sim Viettel và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn 01 thẻ sim Vinamobile và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-868.81 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30G-868.81.

+ Tịch thu của bị cáo Phạm Xuân D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn 01 thẻ sim Vinaphone và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Cross; biển kiểm soát 29H-913.76 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 29H-913.76.

+ Tịch thu của bị cáo Phạm Hồng Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn 01 thẻ sim Viettel.

+ Tịch thu của bị cáo Trương Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo gắn 01 thẻ sim Viettel và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-033.05.

+ Tịch thu của bị cáo Đỗ Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung gắn 01 thẻ sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn 01 thẻ sim.

+ Tịch thu của bị cáo Võ Minh L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn 02 thẻ sim Viettel và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35 gắn 01 thẻ sim Viettel;

+ Tịch thu của bị cáo La T SS: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung S24 gắn 01 thẻ sim Mobifone và 01 thẻ sim Viettel.

+ Tịch thu của bị cáo Đỗ Đ H : 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax gắn 01 thẻ sim Local 4G.

+ Tịch thu của bị cáo Bùi Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi gắn 02 thẻ sim Viettel, 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortuner, biển kiểm soát 37A-551.77 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 37A-551.77.

- Trả lại Nguyễn Văn T: 01 giấy phép lái xe ô tô số 010193000011 mang tên Nguyễn Văn T;

- Trả lại Trương Văn D 01 giấy phép lái xe ô tô số 010183083967 mang tên Trương Văn D;

- Trả lại Phạm Hồng Q 01 giấy phép lái xe ô tô số 250220025930 mang tên Phạm Hồng Q;

- Trả lại La T SS 01 căn cước công dân số 024090000519 mang tên La T SS;

- Trả lại Đỗ Đ H 01 Căn cước công dân số 034089022181 mang tên Đỗ Đ H ;

- Trả lại Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn 01 thẻ sim Vinaphone nhưng cần tạm giữ lại điện thoại trên để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại Võ Minh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu HONOR gắn 01 thẻ sim Viettel;

- Trả lại La T SS 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax gắn 01 thẻ sim Viettel nhưng cần tạm giữ lại điện thoại của bị cáo S để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim Vietnamobile chưa qua sử dụng của Nguyễn Văn T nộp; 01 thẻ sim Mobifone chưa qua sử dụng của Trương Văn D.

- Trả lại bị cáo L 30.000.000 đồng; trả lại H 40.000.000 đồng; trả lại D 5.000.000 đồng; trả lại T 8.000.000 đồng nhưng cần tạm giữ lại tiền của các bị cáo L, H, D, T để đảm bảo thi hành án. Trả lại Phạm Hồng Q 6.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội các bị cáo , L, S, Đỗ Văn Q, H, T, D, D, V A, T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST; bị cáo Phạm Hồng Q được miễn án phí HSST.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thuý; chị D Thị Nga và Ngân hàng do anh Hưng đại diện có ý kiến tranh luận. Về cơ bản nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên chị Thuý, chị Nga cho rằng xe ô tô BKS 30G – 033.05 và xe ô tô BKS 30G – 868.81 là tài sản chung của vợ chồng, các bị cáo phạm tội chị không biết. Do vậy các chị đề nghị xem xét trả lại xe cho gia đình chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TP bank do anh Nguyễn Phúc Hưng đại diện theo uỷ quyền trình bày: Chiếc xe ô tô BKS 30G – 033.05 mà gia đình bị cáo D và vợ là chị Thuý đã cầm cố, thế chấp để vay Ngân hàng. Việc thế chấp tài sản với Ngân hàng đảm bảo đúng quy định của Pháp Luật. Đến nay cả hai vợ chồng chưa thanh toán công nợ xong cho Ngân hàng. Do vậy đề nghị hội

đồng xét xử xem xét giao lại chiếc xe trên cho Ngân hàng để thực hiện việc thanh lý để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Viện kiểm sát đối đáp: Đối với 04 chiếc xe ô tô mà đại diện viện kiểm sát đề nghị tịch thu xung quỹ nhà nước, Viện kiểm sát xác định các bị cáo đã dùng những chiếc xe ô tô này để chở người nước ngoài không có thị thực, nhập cảnh vào Việt Nam trái phép để nhằm thu lời bất chính là vi phạm Pháp Luật. Do đó, Viện kiểm sát xác định những chiếc xe ô tô này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ quy định của Pháp luật, cần tịch thu xung quỹ nhà nước. Đối với chị Thuý, chị Nga nếu xác định đây là tài sản chung của vợ chồng thì các chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác. Đối với Ngân hàng nếu có yêu cầu cũng có quyền khởi kiện vợ chồng bị cáo D bằng một vụ kiện dân sự khác.

Không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều có ý kiến đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Luật sư vắng mặt, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291; 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng ngày 23/6/2024 đến 05/12/2024, Đỗ Đ H đã 05 lần thuê Võ Minh L chở tổng số 10 người nước ngoài gồm: YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB, DU GUANG, HE CHENG QI, TANG JUN, HOU LIANG XI, XU BIN BIN, CHEN JUN JIE, LI NING và LI WEN JIE (đều nhập cảnh trái phép vào Việt Nam) di chuyển trong lãnh thổ Việt Nam. Sau đó, Võ Minh L đã 05 lần thuê người khác chở 10 người nước ngoài trên. Trong đó: L 03 lần thuê Đỗ Văn Q chở 04 người (YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB, DU GUANG, HE CHENG QI) từ khu vực thành phố Đà Nẵng và sân bay Nội Bài về nhà nghỉ Như Ý thuộc xóm 2, thôn Đồng Lạc, xã Tiên Dược, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội (nay là xã Sóc S, thành phố Hà Nội) và 02 lần thuê La T SS chở 06 người (TANG JUN, HOU LIANG XI, XU BIN BIN, CHEN JUN JIE, LI NING và LI WEN JIE) từ thành phố Hồ Chí Minh đi Hà Nội và ngược lại.

Đỗ Văn Q đã 03 lần thuê Nguyễn Văn H chở tổng số 04 người nước ngoài (YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB, DU GUANG, HE CHENG QI) từ khu vực thành phố Đà Nẵng và sân bay Nội Bài về nhà nghỉ Như Ý. Sau đó, Nguyễn Văn H đã 03 lần thuê xe chở 04 người trên, trong đó: ngày 23/6/2024, H thuê Trương Văn D chở YUAN XIAO XIONG từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý; ngày 25/6/2024, H thuê Nguyễn Văn T chở LIM SOLEAB từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý và ngày 27/6/2024, H thuê T chở YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB đến thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược, huyện Sóc S giao cho Phạm Xuân D; ngày 29/6/2024, H thuê Phạm Hồng Q chở DU GUANG, HE CHENG QI từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý.

La T SS đã 03 lần thuê xe khách chở tổng số 10 người nước ngoài (TANG JUN, HOU LIANG XI, XU BIN BIN, CHEN JUN JIE, LI NING, LI WEN JIE, PENG TAO, LI CHAO BIN, ZHOU TIE MAN, JIANG WEI ZI) (đều nhập cảnh trái phép vào Việt Nam). Trong đó 02 lần thuê xe khách chở 03 người (TANG JUN, HOU LIANG XI, XU BIN BIN) từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh và 03 người (CHEN JUN JIE, LI NING và LI WEN JIE) từ thành phố Hồ Chí Minh đi nhà nghỉ K98 thuộc thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B; 01 lần thuê Lưu Văn A chở 04 người (PENG TAO, LI CHAO BIN, ZHOU TIE MAN, JIANG WEI ZI) từ Bắc Ninh đi Cao Bằng.

Đối với 03 người nước ngoài gồm: CHEN JUN JIE, LI NING và LI WEN JIE, ngày 07/12/2024, L thuê Bùi Văn T chở từ nhà nghỉ K98 đi tỉnh Cao Bằng.

Ngày 25-27/6/2024, Nguyễn V A thuê Phạm Xuân D chở 03 người (SHOU LIN, YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB) (đều nhập cảnh trái phép vào Việt Nam), trong đó: chở SHOU LIN từ khu vực chân cầu Thanh Trì, thành phố Hà Nội và chở YUAN XIAO XIONG, LIM SOLEAB từ thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược, huyện Sóc S đến nhà nghỉ HANH thuộc Tổ dân phố Dốc Đồn, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

[4]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay; Căn cứ biên bản kiểm tra hành chính nhà nghỉ HANH ngày 27/6/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh B phát hiện 01 khách nước ngoài (không có hộ chiếu, thị thực) là CHOL SREY THEA, sinh năm 2005, quốc tịch Campuchia; Kiểm tra trên xe ô tô BKS 29H-913.76 của Phạm Xuân D có 03 khách nước ngoài (không có hộ chiếu, thị thực) gồm: YUAN XIAO

XIONG, sinh năm 1995; SHOU LIN, sinh năm 1990 đều quốc tịch Trung Quốc; LIM SOLEAB, sinh năm 2005, quốc tịch Campuchia; Biên bản khám xét hồi 23 giờ ngày 30/6/2024 tại nhà nghỉ Như Ý phát hiện: Tại phòng 308 có 02 khách Trung Quốc (không có hộ chiếu, thị thực) gồm: DU GUANG, sinh năm 1991 và HE CHENG QI, sinh năm 2006; Đơn xin đầu thú; lời khai của các bị cáo thể hiện: Từ tháng 03/2024, đã nhiều lần thuê L bố trí, xe khách chở người nước ngoài (không có hộ chiếu, thị thực) từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Sau đó, L thuê Đỗ Văn Q, Q thuê Nguyễn Văn H, H thuê Trương Văn D, Nguyễn Văn T và Phạm Hồng Q chở khách, cụ thể:

+ Ngày 23/6/2024, H thuê D đón, chở 01 khách Trung Quốc (YUAN XIAO XIONG) từ thành phố Đà Nẵng về nhà nghỉ Như Ý.

+ Ngày 25/6/2024, H thuê T đón chở 01 khách Campuchia (LIM SOLEAB) từ sân bay Nội Bài về nhà nghỉ Như Ý.

+ Ngày 29/6/2024, H thuê Phạm Hồng Q đón, chở 02 khách Trung Quốc (DU GUANG và HE CHENG QI) từ khu vực sân bay Nội Bài đến nhà nghỉ Như Ý.

+ Ngày 05/12/2024, thuê L bố trí xe đưa 03 khách Trung Quốc (không có hộ chiếu, thị thực) gồm: TANG JUN, sinh năm 1989; HOU LIANG XI, sinh năm 2002 và XU BIN BIN, sinh năm 1997 từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, L thuê S bố trí xe đưa 03 khách trên đến khu vực ngã tư Ga, phường Thạnh L, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh) thì bị kiểm tra, phát hiện.

+ Ngày 05/12/2024, thuê L bố trí xe đón 03 khách Trung Quốc (không có hộ chiếu, thị thực) gồm: CHEN JUN JIE, sinh năm 2002; LI NING, sinh năm 1992 và LI WEN JIE, sinh năm 1999 từ thành phố Hồ Chí Minh đi Hà Nội để đi tỉnh Lào Cai. Sau đó, L thuê S bố trí xe đưa 03 khách trên về nhà nghỉ K98. Ngày 07/12/2024, khi L thuê T chở 03 khách trên đến khu vực Trạm thu phí nút giao Phố Lu, cao tốc Nội Bài – Lào Cai thì bị kiểm tra, phát hiện.

+ Ngoài ra, ngày 30/12/2024, S thuê Lưu Văn A đón, chở 04 khách từ khu công nghiệp Samsung tỉnh Bắc Ninh đến tỉnh Cao Bằng thì bị kiểm tra, phát hiện.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra điện thoại thu giữ của các bị cáo phát hiện lịch sử cuộc gọi giữa các bị cáo; Kết quả kiểm tra điện thoại Realme của L trong ứng dụng Wechat phát hiện hình ảnh người nước ngoài mà S, T chụp gửi cho L. Cho L, T, S và những người nước ngoài xem lại hình ảnh được trích xuất từ điện thoại trên. Tất cả những người này đều xác nhận đó chính là số khách mà thuê L chở theo như lời khai của các bị can (BL: 187-191; 2321-2325; 1762-1813; 1881; 1884-1937; 1938-1941);

Do đó có đủ cơ sở xác định hành vi nêu trên của Đỗ Đ H, Võ Minh L, La T SS đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Phạm Hồng Q, Nguyễn Văn T, Trương Văn D, Nguyễn V A, Bùi Văn T, Phạm Xuân D đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất bột phát, không có sự tổ chức, phân công, phân nhiệm, câu kết chặt chẽ từ trước, nên chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn.

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, gây ảnh hưởng mất an ninh trật tự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi đưa người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy:

Toàn bộ người nước ngoài đều là khách của và L thuê, nên các bị cáo có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án; Bị cáo Đỗ Văn Q, H, S được các bị cáo , L thuê bố trí xe chở người nước ngoài, bị cáo V A được người khác thuê bố trí xe chở người nước ngoài nên các bị cáo có vai trò sau bị cáo và L; các bị cáo D, T, Phạm Hồng Q, T, D được các bị cáo Đỗ Văn Q, H, V A thuê và trực tiếp chở người nước ngoài, nên các bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo phạm tội đều vì mục đích thu lợi bất chính. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; có đầy đủ năng lực TNHS vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[7]. Xét về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Đỗ Đ H , Võ Minh L, Nguyễn Văn H, Trương Văn D, La T SS, Bùi Văn T, Phạm Hồng Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Đỗ Văn Q có nhân thân xấu: Ngày 30/11/2018 Toà án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Đỗ Văn Q 06 tháng tù, về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo Nguyễn V A có nhân thân xấu với 01 lần bị xử phạt hành chính và 04 lần bị Toà án các cấp xét xử về các hành vi phạm tội khác nhau.

Bị cáo Phạm Xuân D có nhân thân xấu bị Công an quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội lập danh bản về hành vi cưỡng đoạt tài sản của công dân và 01 lần xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Xuân D 06 tháng tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu 01 lần bị xét xử: Ngày 14/9/2012 Toà án nhân dân huyện Sóc S, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 09 tháng tù về

tội ĐA bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

[8]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn V A có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Minh L tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để phát hiện, xử lý tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Sau khi phạm tội tất các bị cáo đều ra cơ quan công an để đầu thú; bị cáo Đỗ Văn Q, Nguyễn V A có bố đẻ là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ; bị cáo H có ông nội là ông Nguyễn Văn Sông được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng Nhì, được Chính phủ tặng kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, được Tổng cục đường sắt, Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh tặng giấy khen, có bà nội là bà Nguyễn Thị Mùi được chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tặng bằng khen; bị cáo D có ông nội là ông Trương Quang Biểu được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Phạm Hồng Q có bà nội là Phạm Thị Tuất được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Đỗ Đ H có bố, mẹ đều tham gia hội cựu chiến binh tỉnh H, có bà Nội là Nguyễn Thị Lương được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng hai, bản thân bị cáo tháng 11/2021 tình nguyện dùng xe ô tô cá nhân của mình phục vụ công tác phòng chống dịch Covid 19 có vợ là Chử Thị Mai được Bộ trưởng Giáo Dục tặng Bằng khen, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Giấy khen, UBND xã Sùng Trà tặng Giấy khen, UBND huyện Mèo Vạc tặng danh hiệu lao động tiên T (từ năm 2018 đến 2024). Bị cáo La T SS năm 2024 đã ủng hộ UBND xã Xuân Cẩm sau cơn bão Yagi số tiền 500.000đồng và 10 tH Mỳ tôm và 10 tH nước uống. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[10]. Qua đA giá tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực xuất nhập cảnh, đe dọa đến sự an toàn, ổn định của đời sống nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo trước pháp luật nhằm giữ gìn kỷ cương pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi nhận thức được hành vi phạm tội các bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an đầu thú, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi của bản thân. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Đối với bị cáo Trương Văn D và bị cáo Phạm Hồng Q là những tên có vai trò sau cùng và thứ yếu trong vụ án, bị cáo Q tham gia chở 01 lần 02 khách, bị cáo D tham gia chở 01 lần 01 khách, bản thân các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối

cải, có nơi cư trú rõ ràng. Theo Nghị quyết của hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì cả hai bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi nên cần áp dụng khoản 4 Điều 348 phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với các bị cáo sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo Phạm Hồng Q thuộc diện hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[12]. Do bị cáo Đỗ Đ H và bị cáo La T SS đang bị tạm giam nên căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[13]. Đối với 10 khách nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo khai nhận là chưa được thanh toán tiền công cho nhau. Do đó không có căn cứ để truy thu đối với các bị cáo.

[14]. Đối với ý kiến của chị Nga và chị Thuý và phía đại diện Ngân hàng TP Bank, xin nhận lại chiếc xe ô tô BKS 30G – 033.05 và xe ô tô 30G - 868.81, thì thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản chung hợp nhất của Trương Văn D và vợ là chị Nguyễn Thị Thuý, giữa Nguyễn Văn T và vợ là D Thị Nga hình thành trong thời kỳ hôn nhân, không phân chia theo phần. Trước khi phạm tội bị cáo đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng hoặc vay tiền của bạn bè, gia đình. Tuy nhiên, các bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Do vậy HĐXX xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó không có căn cứ để trả lại những chiếc xe ô tô trên cho gia đình bị cáo D có vợ là chị Thuý và bị cáo T có vợ là chị Nga và giao xe ô tô BKS – 30G – 033.05 cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

[15]. Về số tiền các bị cáo tự giao nộp: Đối với số tiền 89.000.000 đồng do các bị cáo L nộp 30.000.000 đồng, bị cáo H nộp 40.000.000 đồng, D nộp 5.000.000 đồng, Hồng Q nộp 6.000.000 đồng, T nộp 8.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy, đây không phải là số tiền mà các bị cáo thu lờn trong vụ án này, trong vụ án này các bị cáo có thoả thuận giá cả với nhau, tuy nhiên các bị cáo đều chưa được thanh toán. Do đó cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng của bị cáo Phạm Hồng Q, cần trả lại cho bị cáo, không tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[16]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[17]. Đối với các vật chứng mà Cơ quan điều tra thu giữ, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần trả lại gồm:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 giấy phép lái xe ô tô số 010193000011 mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ sim Vietnamobile chưa qua sử dụng của Nguyễn Văn T

Trả lại cho bị cáo Trương Văn D: 01 thẻ sim Mobifone; 01 giấy phép lái xe ô tô số 010183083967 mang tên Trương Văn D;

Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q: 01 giấy phép lái xe ô tô số 250220025930 mang tên Phạm Hồng Q;

Trả lại cho bị cáo La T SS: 01 căn cước công dân số 024090000519 mang tên La T SS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350572419139690, số IMEI 2: 350572417747916 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 898404800092704640 nhưng cần tạm giữ lại điện thoại của bị cáo S để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Đ H : 01 Căn cước công dân số 034089022181 mang tên Đỗ Đ H ;

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863929077581656, số IMEI 2: 863929077581649 bên trong gắn 01 thẻ sim Vinaphone có số sim: 8984048000330595615.

Trả lại cho bị cáo Võ Minh L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HONOR đã qua sử dụng, số IMEI 1: 869157068581907, số IMEI 2: 869157068607413 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000388510023.

Trả lại các bị cáo L số tiền 30.000.000đồng; bị cáo H 40.000.000đồng; bị cáo D 5.000.000đồng; bị cáo Phạm Hồng Q 6.000.000đồng; bị cáo T 8.000.000đồng (Trong tổng số tiền 89.000.000 đồng do các bị cáo tự nguyện giao nộp tại biên lai thu số 0003902 ngày 26/8/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q số tiền 6.000.000đồng, nhưng không tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[18]. Đối với các vật chứng mà cơ quan điều tra thu giữ, liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước tài sản, đồ vật sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI (khe 1): 350272251021847 và IMEI (khe 2): 350805481021846 được gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000917542565 và 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000908805640.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI: 355857113678894 bên trong gắn kèm 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000934162491.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI: 35333507881519 được gắn 01 thẻ sim Vinamobile có số sim: 89840509241431430023.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350505201781832, số IMEI 2: 350505201688953 bên trong được gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000389764675.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357271096346750, số IMEI 2: 357271096299454 bên trong gắn 01 thẻ sim Vinaphone có số sim: 89840200010913695722.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350293721945902, số IMEI 2: 350293721654124 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000074046531.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861128059949856, số IMEI 2: 861128059949849 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000011722273.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI: 355001766282619, số IMEI (eSim): 359042136282612 bên trong gắn 01 thẻ sim có chữ VNSKY 8401240312185456.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 355786373398747, số IMEI 2: 355786373351423 bên trong gắn 01 thẻ sim trên thân sim có chữ và số VNSKY 8401240312185457 điện thoại có ốp nhựa đã cũ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861329058706582, số IMEI 2: 861329058706590 bên trong gắn 02 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000071989213 và 8984048000007433389.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35 đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864751062620490/67, số IMEI 2: 864751062620482/67 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000917775982.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung S24, số IMEI 1: 350518490588693, số IMEI 2: 355338500588699 bên trong gắn 01 thẻ sim Mobifone có số sim: 8401180992121467WD và 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000910425323.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354449447583528, số IMEI 2: 354449449454611 bên trong gắn 01 thẻ sim Local 4G có số sim: 8401201152386654MK.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortuner, biển kiểm soát 37A-551.77, số khung: RL4ZR69G7D4018124, số máy: 2KDU456558; dung tích xi lanh: 2494cm³; sản xuất năm 2013; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe Phạm Văn Thành.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Cross; biển kiểm soát 29H-913.76; số khung: MK2XRNC1WLN018979, số máy: 4A91KAC1945; dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2021; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29006497 mang tên chủ xe Phạm Xuân D;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-868.81; số khung: RLA0LRNC1L1000981, số máy: 4A91JD0398, dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe Nguyễn Văn T;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-033.05; số khung: MK2XRNC1WKN057140, số máy: 4A91HG8331; dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2019.

[19]. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận ngoài hành vi nêu trên, các bị cáo còn nhiều lần tổ chức đưa, đón người nước ngoài (nhập cảnh trái phép vào Việt

Nam). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không xác định được cụ thể những người nước ngoài này. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các bị cáo về các hành vi đó.

[20]. Đối với người sử dụng tài khoản tên “Long”, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý. Đối với người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, kết quả điều tra xác định những người này chưa bị xử lý vi phạm hành chính về các hành vi liên quan đến xuất, nhập cảnh nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

[21]. Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo **Đỗ Đ H**, **Võ Minh L**, **La T SS**, **Đỗ Văn Q**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn V A**, **Phạm Xuân D**, **Nguyễn Văn T**, **Trương Văn D**, **Bùi Văn T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Phạm Hồng Q**.

[22]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về trách nhiệm hình sự:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Đ H** 05 (Năm) năm 08 (Tám) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Minh L** 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ đi ngày đã tạm giữ, tạm giam 09/12/2024 đến 28/5/2025. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **La T SS** 05 (Năm) 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/02/2025. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn Q** 05 (Năm) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nhưng được trừ đi ngày đã tạm giữ, tạm giam 06/9/2024 đến 22/01/2025. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H** 05 (Năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ đi ngày đã tạm giữ, tạm giam 02/7/2024 đến 22/01/2025. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng.

6. Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ đi ngày đã tạm giữ, tạm giam 01/7/2024 đến 27/11/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

7. Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn V A** 02 (Hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, Tổng hợp với 21 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” của bản án hình sự phúc thẩm số 305/2025/HSPT ngày 17/4/2025 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 (ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 đến ngày 27/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

8. Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ đi ngày đã tạm giữ, tạm giam 09/12/2024 đến 25/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

9. Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Xuân D** 01 (Một) năm 10 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, Tổng hợp với 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án 17/7/2025 của bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà

Nội. (Nhưng được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 đến ngày 27/12/2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hồng Q** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/9/2025. Giao bị cáo cho UBND phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

11. Căn cứ khoản 1 khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Văn D** 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/9/2025. Giao bị cáo cho UBND xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b,c khoản 2; điểm a,b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 giấy phép lái xe ô tô số 010193000011 mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ sim Vietnamobile chưa qua sử dụng của Nguyễn Văn T

Trả lại cho bị cáo Trương Văn D: 01 thẻ sim Mobifone; 01 giấy phép lái xe ô tô số 010183083967 mang tên Trương Văn D;

Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q: 01 giấy phép lái xe ô tô số 250220025930 mang tên Phạm Hồng Q;

Trả lại cho bị cáo La T SS: 01 căn cước công dân số 024090000519 mang tên La T SS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350572419139690, số IMEI 2: 350572417747916 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 898404800092704640 nhưng cần tạm giữ lại điện thoại của bị cáo S để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Đ H : 01 Căn cước công dân số 034089022181 mang tên Đỗ Đ H ;

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863929077581656, số IMEI 2: 863929077581649 bên trong gắn 01 thẻ sim Vinaphone có số sim: 8984048000330595615.

Trả lại cho bị cáo Võ Minh L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HONOR đã qua sử dụng, số IMEI 1: 869157068581907, số IMEI 2: 869157068607413 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000388510023.

Trả lại các bị cáo L số tiền 30.000.000đồng; bị cáo H 40.000.000đồng; bị cáo D 5.000.000đồng; bị cáo Phạm Hồng Q 6.000.000đồng; bị cáo T 8.000.000đồng (Trong tổng số tiền 89.000.000 đồng do các bị cáo tự nguyện giao nộp tại biên lai thu số 0003902 ngày 26/8/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q số tiền 6.000.000đồng, nhưng không tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI (khe 1): 350272251021847 và IMEI (khe 2): 350805481021846 được gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000917542565 và 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000908805640.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI: 355857113678894 bên trong gắn kèm 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000934162491.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI: 35333507881519 được gắn 01 thẻ sim Vinamobile có số sim: 89840509241431430023.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350505201781832, số IMEI 2: 350505201688953 bên trong được gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000389764675.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357271096346750, số IMEI 2: 357271096299454 bên trong gắn 01 thẻ sim Vinaphone có số sim: 89840200010913695722.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 350293721945902, số IMEI 2: 350293721654124 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000074046531.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861128059949856, số IMEI 2: 861128059949849 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000011722273.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, số IMEI: 355001766282619, số IMEI (eSim): 359042136282612 bên trong gắn 01 thẻ sim có chữ VNSKY 8401240312185456.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số IMEI 1: 355786373398747, số IMEI 2: 355786373351423 bên trong gắn 01 thẻ sim trên thân sim có chữ và số VNSKY 8401240312185457 điện thoại có ốp nhựa đã cũ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861329058706582, số IMEI 2: 861329058706590 bên trong gắn 02 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000071989213 và 8984048000007433389.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C35 đã qua sử dụng, số IMEI 1: 864751062620490/67, số IMEI 2: 864751062620482/67 bên trong gắn 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000917775982.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung S24, số IMEI 1: 350518490588693, số IMEI 2: 355338500588699 bên trong gắn 01 thẻ sim Mobifone có số sim: 8401180992121467WD và 01 thẻ sim Viettel có số sim: 8984048000910425323.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354449447583528, số IMEI 2: 354449449454611 bên trong gắn 01 thẻ sim Local 4G có số sim: 8401201152386654MK.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Fortuner, biển kiểm soát 37A-551.77, số khung: RL4ZR69G7D4018124, số máy: 2KDU456558; dung tích xi lanh: 2494cm³; sản xuất năm 2013; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe Phạm Văn Thành.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Cross; biển kiểm soát 29H-913.76; số khung: MK2XRNC1WLN018979, số máy: 4A91KAC1945; dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2021; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29006497 mang tên chủ xe Phạm Xuân D;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-868.81; số khung: RLA0LRNC1L1000981, số máy: 4A91JD0398, dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe Nguyễn Văn T;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại Xpander, biển kiểm soát 30G-033.05; số khung: MK2XRNC1WKN057140, số máy: 4A91HG8331; dung tích xi lanh: 1499cm³; sản xuất năm 2019.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-P1 ngày 29/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Đỗ Đ H, Võ Minh L, La T SS, Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn V A, Phạm Xuân D, Nguyễn Văn T, Trương Văn D, Bùi Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Phạm Hồng Q.

4. Về dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Công thông tin điện tử của TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1 – Viện KSND tối cao;
- Viện KSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam số 2 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

